

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2018/DS-PT

Ngày: 17-01-2018

“Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi
con, chia tài sản chung và
nợ chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 và ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2017/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: **36/2017/HNGĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2017**, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Kim P, sinh năm 1971;

Địa chỉ: số 670, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Ngô Hoàng E, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số 670, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đ.

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Lê Thị Vân L - Luật sư của Văn phòng luật sư Lê L thuộc Đoàn luật sư Tỉnh Đ;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngô Hoàng H, sinh năm 1994;

2. Ngô Yên M, sinh năm 1999;

3. Ngô Hồng Tr, sinh năm 1983;

4. Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: số 670, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đ.

5. Ngô Thị Yên X, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 252, ấp T, xã T, huyện C, Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngô Thị Yến X là: Ngô Hồng Tr, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, Đ (Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2016).

6. Ngân hàng N - chi nhánh huyện C;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Quang Th - Phó Giám đốc ngân hàng N - Chi nhánh huyện C.

Địa chỉ: Quốc lộ 80, ấp T, Xã A, huyện C, Đ;

- *Người kháng cáo:* Chị Trần Kim P là nguyên đơn;

Anh Ngô Hoàng E là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn chị Trần Kim P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Kim P và anh Ngô Hoàng E chung sống với nhau năm 1991, vợ chồng tự tìm hiểu nhau tiến đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2002 tại UBND xã An H, huyện C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2015 thì anh Hoàng E cho rằng chị gian díu với người đàn ông ở cùng xóm nên đuổi chị đi, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Hiện nay chị không còn tình cảm với anh Hoàng E nên yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Hoàng E.

- Về con chung: Có 02 con chung Ngô Hoàng H, sinh ngày 15/11/1994 và Ngô Yến M, sinh ngày 28/3/1999. Hiện nay các con đã trưởng thành, tự lao động được nên chị P không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung gồm:

Đất:

+ Thửa 1671, TĐĐ số 2 diện tích đo đạc thực tế 442m² đất (T) tọa lạc ấp A, xã A do Ngô Hoàng E đứng tên QSD đất.

+ Thửa 1672, TĐĐ số 2 diện tích đo đạc thực tế 5.698m² đất (LN) tọa lạc ấp A, xã A do Ngô Hoàng E đứng tên QSD đất.

+ Thửa 21, TĐĐ số 41 diện tích đo đạc thực tế 1.278m² (trong đó đất ONT diện tích 272m², đất CLN diện tích 1.006m²) tọa lạc ấp A, xã A, huyện C do chị P và anh Ngô Hoàng E đứng tên.

Nhà và tài sản sinh hoạt trong gia đình:

+ 01 căn nhà cấp 4 diện tích 58,5m² kết cấu nền gạch tàu, khung gỗ tạp, vách tol Fibro xi măng, mái tol, đòn tay tre và bạch đàn.

+ 01 quán nước diện tích 76,23m² kết cấu nền gạch tàu, khung gỗ tạp, vách tol Fibro xi măng, mái lá + tol, đòn tay tre.

+ 02 xe gắn máy (01 xe Wave 50 và 01 xe Novou 3 không nhớ biển kiểm soát)

+ 06 tủ kiếng, 01 xe nước mía, 01 dàn Karaoke, 01 đầu thu kỹ thuật số.

Hiện nay nhà, đất và các tài sản sinh hoạt trong gia đình anh Ngô Hoàng E quản lý, sử dụng.

Khi ly hôn chị P yêu cầu được quyền sử dụng:

- Thừa đất số 21 diện tích 639m² (trong đó đất ONT là 136m², đất CLN là 503m²), vị trí đất do Tòa án xem xét thẩm định.

- Một phần thừa 1671 và 1672 diện tích 2.888m² thể hiện tại các mốc 2, 3, 4, 5, 12, 15 (theo sơ đồ đo đạc ngày 23/9/2015). Nhà và các tài sản sinh hoạt trong gia đình hiện anh Hoàng E đang sử dụng, chị P không tranh chấp, cũng không tranh chấp cây trồng trên 03 thửa đất: 21, 1671, 1672, ai được phân chia thửa đất nào thì hưởng cây trồng trên thửa đất đó.

- Về nợ chung:

+ Nợ chị Ngô Thị Yến X 10 chỉ vàng 24kr.

+ Nợ ngân hàng N - Chi nhánh huyện Cvôn vay 50.000.000đ và lãi phát sinh. Khi vợ chồng ly thân anh Hoàng E có trả cho Ngân hàng được 25.000.000đồng vốn vay và lãi.

Khi ly hôn chị P yêu cầu chia đôi nợ chung, chị và anh Hoàng E mỗi người trả phân nửa nợ cho Ngân hàng bao gồm tiền vốn và tiền lãi.

2. Bị đơn anh Ngô Hoàng E trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng E thống nhất với lời trình bày của chị P về thời gian chung sống và thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn anh và chị P chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị P có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác anh đã tha thứ một lần nhưng chị P không sửa đổi. Đến năm 2015 anh bắt gặp chị P quan hệ sinh lý với người thanh niên ở cùng xóm nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện nay anh không còn tình cảm với chị P nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Như chị P trình bày là đúng. Hiện nay các con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: chỉ có thửa đất số 21; nhà, quán nước và các tài sản sinh hoạt trong gia đình như chị P trình bày.

Đối với thửa đất số 1671 và 1672 TĐĐ số 2 tọa lạc xã A, huyện C do anh đứng tên QSD đất cấp ngày 17/3/2003 là tài sản của cá nhân anh được bà nội tặng cho riêng để thờ cúng ông bà, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Khi ly hôn anh Hoàng E đồng ý chia cho chị P 1/2 thửa đất 21 do anh và chị P đứng tên QSD đất. Thửa đất số 1671 và 1672 anh không đồng ý chia cho chị P. Nhà, quán nước và các tài sản sinh hoạt trong gia đình anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Như chị P trình bày là đúng. Nợ của Ngân hàng N-Chi nhánh huyện C vốn vay 50.000.000đ, lúc chị P ra đi anh đã trả cho Ngân hàng 30.194.445đồng (trong đó vốn vay 25.000.000đ, lãi 5.194.445đ). Hiện còn nợ Ngân hàng 25.000.000 đồng vốn vay và lãi phát sinh đến nay chưa trả.

Khi ly hôn anh Hoàng E đồng ý trả 1/2 số nợ trên cho Ngân hàng và chị Yến Xuân. Anh Ngô Hoàng E yêu cầu chị P trả lại cho anh Hoàng E số tiền 15.097.000 đồng (30.194.445 đồng: 2 = 15.097.000 đồng) vì đây là số tiền mà anh Hoàng E đã xuất ra trả nợ Ngân hàng lúc anh và chị P không còn chung sống.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ngô Hồng Tr và Đặng Thị Thanh T cùng trình bày: Vào tháng 4/2014 anh Ngô Hoàng E có cho vợ chồng anh có cất 01 quán nước trên một phần đất thửa 1672 do anh Ngô Hoàng E đứng tên quyền sử dụng. Quán vợ chồng anh xây cất có kết cấu nền gạch tàu, khung gỗ tạp + bê tông cốt thép, vách tol kẽm + lá, mái lá. Giá trị xây cất là 30.000.000đ.

Nay chị P và anh Hoàng E ly hôn, chia tài sản chung, vợ chồng anh, chị đồng ý trả lại đất và di dời quán nước đi nơi khác, không yêu cầu bồi thường hoặc hỗ trợ di dời.

3.2 Chị Ngô Thị Yến X ủy quyền cho anh Ngô Hồng T trình bày: Vào ngày 05/7/2014 chị P và anh Hoàng E có mượn của chị Yến X 10 chỉ vàng 24kr đến nay chưa trả. Nay chị Yến X yêu cầu chị P và anh Hoàng E mỗi người trả cho chị Yến X 05 chỉ vàng 24kr.

3.3 Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N - chi nhánh huyện C là anh Hồ Quang Th trình bày:

Vào ngày 01/12/2014 Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C có cho anh Ngô Hoàng E và chị Trần Kim P là người thừa kế vay số tiền 50.000.000đ. Đến ngày 05/12/2015 anh Ngô Hoàng E có trả cho Ngân hàng 25.000.000đ vốn vay và 5.194.445đ lãi. Hiện nay anh Hoàng E còn nợ lại Ngân hàng 25.000.000đ vốn vay và tiền lãi tạm tính đến ngày 11/9/2017 là 5.486.110 đồng. Khi vay anh Ngô Hoàng E có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất diện tích 8.868m² thửa 1671, 1672 do anh Ngô Hoàng E đứng tên quyền sử dụng đất.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh Ngô Hoàng E và chị Trần Kim P liên đới trả cho Ngân hàng 25.000.000đ vốn vay, tiền lãi tạm tính đến ngày 11/9/2017 là 5.486.110đồng. Nếu anh Hoàng E và chị P không trả số nợ trên thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nợ vay cho Ngân hàng.

3.4 Ngô Hoàng H trình bày: anh là con của ông Ngô Hoàng E và bà Trần Kim P. Nay cha và mẹ của anh ly hôn, để đảm bảo quyền lợi cho anh khi cha mẹ ly hôn, anh yêu cầu ông Ngô Hoàng E và bà Trần Kim P chia cho anh diện tích 1.366m² đất thuộc một phần thửa 1672 theo vị trí các mốc 1,2,5,6 (Sơ đồ đo đạc ngày 23/9/2015) và yêu cầu được nhận % giá trị bằng tiền diện tích đất thửa 21 để anh có điều kiện sinh sống.

3.5 Ngô Yến M trình bày: ông Ngô Hoàng E và bà Trần Kim P là cha và mẹ của chị. Nay cha và mẹ của chị không chung sống với nhau nữa, để đảm bảo quyền lợi cho chị khi cha mẹ ly hôn, chị yêu cầu ông Ngô Hoàng E và bà Trần Kim P chia cho chị 1.353m² đất thuộc một phần thửa 1672 theo vị trí các mốc 2, 3, 4, 5 (Sơ đồ đo đạc ngày 23/9/2015) và yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền thửa đất số 21 để chị có điều kiện sinh sống.

- Chị Trần Kim P đồng ý chia cho Hoàng H 1.366m² đất thuộc một phần thửa 1672 theo vị trí các mốc 1,2,5,6 và chia cho Yến M 1.353m² đất thuộc một phần thửa 1672 theo vị trí các mốc 2, 3, 4, 5 (Sơ đồ đo đạc ngày 23/9/2015), không đồng ý chia thửa đất số 21 cho Hoàng H và Yến M.

- Anh Ngô Hoàng E không đồng ý chia thửa đất: 21, 1671, 1672 cho Hoàng H và Yến M.

Tại bản án sơ thẩm số 36/2017/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Kim P được ly hôn với anh Ngô Hoàng E.

2. Về con chung: Ngô Hoàng H, sinh ngày 15/11/1994 và Ngô Yến M sinh ngày 28/3/1999 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

3. Về tài sản chung:

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu của chị Trần Kim P. Chị P được quyền sử dụng:

+ 1/2 thửa đất số 21 diện tích 639m² (Trong đó: đất ONT là 136m², đất CLN là 503m²) thể hiện tại các mốc 13, 14, 8, 15 (Theo bản đồ trích đo đạc hiện trạng khu đất tranh chấp số 3960 ngày 07/9/2017).

+ 1 phần thửa đất 1671 diện tích 114m² loại đất (T) thể hiện tại các mốc 13, 14, B, c, 13.

+ 1 phần thửa 1672 diện tích 1.444m² loại đất vườn thể hiện tại các mốc A, 3,4,D, 13,14, A(Theo bản đồ trích đo đạc hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 07/9/2017).

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu của anh Ngô Hoàng E được quyền sử dụng:

+ 1/2 thửa 21 diện tích 639m² thể hiện tại các mốc 9, 11, 12, 13, 15, 9 và 1 phần thửa đất 1672 diện tích 1.386m² thể hiện tại các mốc 1, 2, 5, 6 (Theo bản đồ trích đo đạc hiện trạng khu đất tranh chấp số 3960 ngày 07/9/2017).

+ 1 phần thửa 1671 diện tích 214m² thể hiện tại các mốc 11, 12, 15, 16, 11 và 1 phần thửa đất 1672 diện tích 2.810 m² thể hiện tại các mốc 1,2, 15, 16, 17, 12, 5, 6, 7, 8, 9, 1 (Theo bản đồ trích đo đạc hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 07/9/2017).

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu của Ngô Hoàng H được quyền sử dụng:

+ 1 phần thửa 1671 diện tích 114m² thể hiện tại các mốc B, c, 12, 15, B

+ 1 phần thửa 1672 diện tích 1.254m² thể hiện tại các mốc A, 14, B, 15, 2, A và 190m² thể hiện tại các mốc 12, 5, D, 13, C, 12.

(Theo bản đồ trích đo đạc hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 07/9/2017).

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu của Ngô Yến M được quyền sử dụng:

+ 1 phần thửa 1672 diện tích 1.353m² thể hiện tại các mốc 2, 3, 4, 5;

(Theo bản đồ trích đo đạc hiện trạng khu đất tranh chấp số 3960 ngày 07/9/2017).

Chị P, anh Hoàng E, Hoàng H và Yến M được hưởng các cây trồng trên phần đất đã được phân chia.

Anh Ngô Hồng Trước và chị Đặng Thị Thanh T đồng ý di dời quán nước đi nơi khác để trả lại đất cho anh Hoàng E, Yến M.

Anh Hoàng E có trách nhiệm giao cho chị P, Hoàng H và Yến M diện tích đất như đã nêu trên.

4. Về nợ chung:

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu của Ngân hàng N.

Chị Trần Kim P và anh Ngô Hoàng E mỗi người trả cho ngân hàng vốn vay 12.500.000 và lãi 2.734.055 đồng. Trường hợp chị P và anh Hoàng E không trả được nợ thì chỉ xử lý tài sản thế chấp đối với phần tài sản thế chấp mà anh Hoàng E và chị P được nhận.

Kể từ ngày ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án mà chị P và anh Hoàng E chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo lãi suất hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Ngô Hoàng Tr là người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị Yến X với anh Ngô Hoàng E và chị Trần Kim P. Chị Trần Kim P và anh Ngô Hoàng E mỗi người trả cho chị Yến X 05 (năm) chỉ vàng 24k (loại vàng nhẫn 9999).

- Công nhận sự thỏa thuận của anh Ngô Hoàng E và chị Trần Kim P. Chị P trả cho anh Ngô Hoàng E 15.097.000 đồng.

5. Về án phí:

- Chị Trần Kim P phải chịu 12.457.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó: án phí HNGĐ sơ thẩm là 200.000đ; án phí chia tài sản 10.632.000đ; 1.625.000đ án phí trả nợ).

- Anh Ngô Hoàng E phải chịu 25.931.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó: án phí chia tài sản 24.306.000đ; án phí phải trả nợ 1.625.000đ).

- Ngô Hoàng H phải chịu 7.543.000 đồng án phí chia tài sản.

- Ngô Yến M phải chịu 6.426.000 đồng án phí chia tài sản.

- Ngân hàng N phải chịu 200.000đ án phí DSST.

Số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 12.570.000 đồng ngày 24/10/2016 và ngày 02/7/2015 theo biên lai số 11695, 029102 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C sẽ được chuyển thành án phí chị P phải nộp. Chị P được nhận lại 113.000đ.

Số tiền tạm ứng án phí anh Hoàng E đã nộp 1.030.000đồng ngày 31/10/2016 theo biên lai số 11712 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C sẽ được trừ vào án phí anh Hoàng E phải nộp. Anh Hoàng E còn phải nộp tiếp 24.901.000đ.

Số tiền tạm ứng án phí Hoàng H đã nộp 6.364.000 đồng ngày 31/10/2016 và ngày 21/7/2017 theo biên lai số 10978 và 11713, tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành sẽ được trừ vào án phí Hoàng H phải nộp. Hoàng H còn phải nộp tiếp 1.179.000đồng.

Số tiền tạm ứng án phí Yến M đã nộp 6.364.000 đồng ngày 21/7/2017 theo biên lai số 10979 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C sẽ được trừ vào án phí Yến M phải nộp. Yến M còn phải nộp tiếp 62.000đ án phí.

Số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng N đã nộp là 759.000 đồng theo biên lai số 038262 ngày 09/11/2015 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C được trừ vào án phí ngân hàng phải nộp. Ngân hàng được nhận lại 579.000đ tiền tạm ứng án phí tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C.

Chị Ngô Thị Yến X được nhận lại 688.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 11844 ngày 08/12/2016 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về chi phí thẩm định định giá: tổng chi phí thẩm định, định giá 4.479.000 đồng. Anh Hoàng E phải chịu chi phí thẩm định định giá là 2.240.000đ; Chị P phải chịu 747.000đ; Hoàng H và Yến M mỗi người phải chịu 746.000đ. Chị P đã nộp 4.479.000 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá và đã chi xong, do đó anh Hoàng E có trách nhiệm trả lại cho chị P 2.240.000đ; Hoàng H và Yến M mỗi người phải trả lại cho chị P 746.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Trần Kim P và anh Ngô Hoàng E kháng cáo một phần bản án số 36/2017/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C như sau:

+ Chị P kháng cáo một phần bản án 36/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. Chị P yêu cầu Tòa án xem xét chia cho chị được nhận 2.888m² đất thuộc một phần thửa 1671, 1672 thể hiện tại các mốc 1,2,3,5 (Sơ đồ đo đạc ngày 23/9/2015) đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đ. Anh Ngô Hoàng E đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Anh Ngô Hoàng E kháng cáo một phần bản án số 36/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. Anh Hoàng E không đồng ý chia cho chị P, Hoàng H, Yến M phần diện tích đất thuộc thửa 1671, 1672 đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo;

Anh Hoàng E vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu độc lập.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hoàng E và chị P. Giữ y quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim P đối với anh Ngô Hoàng E được Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Kim P là nguyên đơn và anh Ngô Hoàng E là bị đơn đối với phần đất tại thửa 1671 theo đo đạc thực tế có diện tích 442m² loại đất thổ (T), thửa 1672 theo đo đạc thực tế có diện tích 8.437m² loại đất lâu năm (LN), hai thửa đất cùng tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc

tại xã A, huyện Cdo anh Hoàng E đứng tên quyền sử dụng đất. Phần yêu cầu kháng cáo cụ thể như sau:

- Chị P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa án sơ thẩm và yêu cầu chia cho chị diện tích 2.888m² thuộc một phần thửa 1671, 1672, tờ bản đồ số 2. Phần còn lại của chị P trong hai thửa đất này chị P đồng ý chia lại cho hai con là Hoàng H và Yên M mỗi người một phần;

- Còn đối với anh Ngô Hoàng E kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, anh Hoàng E không đồng ý chia phần đất tại thửa 1671, 1672 cho chị P, Hoàng H và Yên M vì anh Hoàng E xác định đây là tài sản riêng của anh Hoàng E.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Mặc dù, theo anh Hoàng E trình bày phần đất tại thửa 1671 và thửa 1672 là do anh được bà nội của anh là bà Phan Thị Nh tặng cho cá nhân anh để thờ cúng ông, bà; nhưng anh Hoàng E không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình; Còn chị P thì căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập vào năm 2003 có chính quyền địa phương chứng thực; đồng thời, phần tài sản này có được trong thời kỳ hôn nhân và chị P cũng là người cùng anh Hoàng E đứng tên trên Hợp đồng chuyển nhượng với tư cách là bên nhận chuyển nhượng. Do đó, xác định phần đất tại hai thửa 1671, 1672 là tài sản chung của anh Hoàng E và chị P.

- Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất này được cấp cho hộ của anh Hoàng E nên phải chia đều cho các thành viên trong hộ là 04 người gồm anh Hoàng E, chị P, Hoàng H và Yên M nhưng cho rằng anh Hoàng E có công sức đóng góp nhiều nhất và là người trực tiếp canh tác nên anh Hoàng E được chia ½ diện tích đất tại thửa 1671 và thửa 1672; phần còn lại được chia cho chị P, Hoàng H và Yên M. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tại thửa 1671 và thửa 1672 là tài sản chung của hộ nên chia cho các thành viên trong hộ là chưa phù hợp. Bởi vì, căn cứ vào điều 33 Luật hôn nhân và gia đình có quy định “....*quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp được thừa kế riêng hoặc tặng cho riêng...*”. Như vậy, anh Hoàng E không có chứng cứ chứng minh là tài sản được tặng cho riêng nên được xác định là tài sản chung. Đồng thời, căn cứ vào điều 59 Luật hôn nhân và gia đình có quy định về nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố: công sức đóng góp, hoàn cảnh gia đình của mỗi bên...Qua đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định anh Hoàng E có công sức đóng góp nhiều hơn chị P cũng là chưa phù hợp. Bởi vì, tại phiên tòa phúc thẩm anh Hoàng E cũng thừa nhận, trong thời gian sống chung phần đất do anh quản lý sử dụng, tiền hoa lợi thu được từ cây trồng trên đất anh đem về đưa cho chị P để lo sinh hoạt trong gia đình; còn chị P ở nhà chăm sóc hai con và bán thêm quán nước tại nhà để có thêm thu nhập; Vì vậy, chị P và anh Hoàng E đều có công sức trong việc duy trì, phát triển khối tài sản chung. Việc chia tài sản chung dựa trên cơ sở tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh Hoàng E và chị P đã không thỏa thuận được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

- Phần đất tranh chấp thuộc thửa 1671 có diện tích theo đo đạc thực tế là 442m² (T) và thửa 1672 có diện tích là 8.437m² (LN). Chị P yêu cầu được chia diện tích 2.888m² thuộc một phần thửa 1671, 1672; phần còn lại trong phần tài sản chung được chia; chị P đồng ý chia cho Hoàng H và Yên M mỗi người một phần như nhau. Về nguyên tắc đối với hai thửa đất 1671, 1672 theo quy định chị P sẽ được chia ½ ở thửa 1671 là 221m² đất (T) và ½ ở thửa 1672 là 4.218,5m² (LN). Nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị P chỉ yêu cầu chia cho chị P diện tích 2.888m² đất (LN) ở thửa 1672; phần còn lại của thửa 1672 và 1/2 của thửa 1671 chị đồng ý chia cho Hoàng H, Yên M mỗi người 01 phần. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị P, không trái với quy định pháp luật; đồng thời cũng phù hợp với hiện trạng sử dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị P, sửa một phần bản án sơ thẩm. Việc tự nguyện phân chia phần tài sản được hưởng trong khối tài sản chung của chị P dẫn đến việc Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của anh Hoàng H và chị Yên M. Như vậy:

- Phần đất được giao cho chị P quản lý, sử dụng có diện tích là 2.888m² (LN) thuộc một phần thửa 1672 tờ bản đồ số 2, được xác định tại vị trí các mốc (2,3,4,5,12,C,13,14,B, 15, 2).

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị P về việc đồng ý cho Hoàng H, Yên M mỗi người một phần ở các vị trí sau:

+ Hoàng H được quyền sử dụng 01 phần đất (T) tại thửa 1671, được xác định tại các vị trí các mốc (12,C,B,15,12) có diện tích là 114m² và được quyền sử dụng 01 phần đất (LN) tại thửa 1672, được xác định bởi các mốc (2, E, F,5,2) có diện tích là 677,2m²;

+ Yên M được quyền sử dụng 01 phần đất (T) tại thửa 1671, được xác định tại các vị trí các mốc (C,13,14,B,C) có diện tích là 114m² và được quyền sử dụng 01 phần đất (LN) tại thửa 1672, được xác định bởi các mốc (E,3,4, F, E) có diện tích là 675,8m²;

- Còn đối với yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Hoàng E, không đồng ý chia hai thửa đất 1671,1672 cho chị P, Hoàng H, Yên M vì anh Hoàng E cho rằng đây là tài sản của anh được cho riêng. Hội đồng xét xử xét thấy như đã phân tích ở trên, do anh Hoàng E không có chứng cứ gì để chứng minh hai thửa đất này là tài sản riêng của anh nên không có cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay, anh Hoàng E cũng nài ra các văn bản thỏa thuận tài sản tặng cho anh Hoàng E được lập vào năm 1999, có công chứng chứng thực. Tuy nhiên, văn bản này đến thời điểm năm 2003 không còn giá trị khi mà bà Nh lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Hoàng E và chị P. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc xác định thửa đất 1671, 1672 là tài sản riêng của anh Hoàng E là hoàn toàn phù hợp.

Anh Hoàng E được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất thuộc 01 phần thửa 1671 và 01 phần thửa 1672 theo các vị trí mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Anh Hoàng E phải có nghĩa vụ giao lại cho chị P, Hoàng H, Yên M phần diện tích đất theo các vị trí được xác định như trên.

Các phần còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Xét lời trình bày và đề nghị của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Hoàng E là chưa hoàn toàn phù hợp nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của anh Hoàng E như án sơ thẩm đã tuyên. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hoàng E.

- Xét lời trình bày và đề nghị của VKS là chưa hoàn toàn phù hợp nên chỉ chấp nhận một phần.

- Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải nộp tiền án phí phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 56, 59 Luật HNGĐ; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn;

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn;

3. Sửa bản án sơ thẩm số 36/2017/HNGĐ-ST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Kim P được ly hôn với anh Ngô Hoàng E.

2. Về con chung: Ngô Hoàng H, sinh ngày 15/11/1994 và Ngô Yến M sinh ngày 28/3/1999 đã trưởng thành, tự lao động được nên chị P, anh Hoàng E không yêu cầu xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Kim P. Chị P được quyền sử dụng:

+ 1/2 thửa đất số 21 diện tích 639m² (Trong đó: đất ONT là 136m², đất CLN là 503m²) thể hiện tại các mốc (13, 14, 8, 15,13);

+ Một phần thửa 1672 tờ bản đồ số 2, được xác định tại vị trí các mốc (2,3,4,5,12,C,13,14,B, 15, 2) có diện tích là 2.888m² (LN);

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị P về việc đồng ý cho Hoàng H, Yến M mỗi người một phần đất ở các vị trí sau:

+ Hoàng H được quyền sử dụng 01 phần đất (T) tại thửa 1671, được xác định tại các vị trí các mốc (12,C,B,15,12) có diện tích là 114m² và được quyền sử dụng 01 phần đất (LN) tại thửa 1672, được xác định bởi các mốc (2, E, F,5,2) có diện tích là 677,2m²;

+ Yến M được quyền sử dụng 01 phần đất (T) tại thửa 1671, được xác định tại các vị trí các mốc (C,13,14,B,C) có diện tích là 114m² và được quyền sử dụng 01 phần đất (LN) tại thửa 1672, được xác định bởi các mốc (E,3,4, F, E) có diện tích là 675,8m²;

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu của anh Ngô Hoàng E được quyền sử dụng:

+ 1/2 thửa 21 diện tích 639m² thể hiện tại các mốc (9, 11, 12, 13, 15, 9) và 1 phần thửa đất 1672 diện tích 1.386m² thể hiện tại các mốc (1, 2, 5, 6,7,1);

+ 1 phần thửa 1671 diện tích 214m² thể hiện tại các mốc (11, 12, 15, 16, 11) và 1 phần thửa đất 1672 diện tích 2.810m² thể hiện tại các mốc (1,2, 15, 16, 17, 12, 5, 6, 7, 8, 9, 1)

(Kèm theo bản đồ trích đo đạc hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 23/9/2015, ngày 07/9/2017 và ngày 17/01/2018).

Chị P, anh Hoàng E, Hoàng H và Yên M được hưởng các cây trồng trên phần đất đã được phân chia.

Anh Ngô Hồng Tr và chị Đặng Thị Thanh T đồng ý di dời quán nước đi nơi khác để trả lại đất anh Hoàng E và Hoàng H.

Anh Hoàng E có trách nhiệm giao cho chị P, Hoàng H và Yên M diện tích đất như bản án đã tuyên.

Các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo bản án đã tuyên.

4. Về nợ chung:

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu của Ngân hàng N.

Chị Trần Kim P và anh Ngô Hoàng E có nghĩa vụ mỗi người trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 12.500.000 và tiền lãi tạm tính đến ngày 11/9/2017 là 2.744.055đồng. Trường hợp chị P và anh Hoàng E không trả được nợ thì chỉ xử lý tài sản thế chấp đối với phần tài sản thế chấp mà anh Hoàng E và chị P được nhận.

Chị P và anh Hoàng E còn phải chịu lãi tiếp tục theo lãi suất hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả xong nợ.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Ngô Thị Yên X với anh Ngô Hoàng E và chị Trần Kim P.

Chị Trần Kim P và anh Ngô Hoàng E mỗi người trả cho chị Yên X 05 (năm) chỉ vàng 24k (loại vàng nhân 9999).

- Công nhận sự thỏa thuận của anh Ngô Hoàng E và chị Trần Kim P.

Chị P đồng ý trả cho anh Ngô Hoàng E số tiền là 15.097.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

5. Về án phí:

- Chị Trần Kim P phải chịu 17.895.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó: án phí HNGĐ sơ thẩm là 200.000đ; án phí chia tài sản 16.070.000đ; 1.625.000đ án phí trả nợ). Chị P được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp là 12.570.000 đồng ngày 24/10/2016 và ngày 02/7/2015 theo biên lai số 11695, 029102 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị P còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 5.325.000đ;

- Anh Ngô Hoàng E phải chịu 25.931.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Trong đó: án phí chia tài sản 24.306.000đ; án phí phải trả nợ 1.625.000đ). Anh Hoàng E được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Hoàng E đã nộp là 1.030.000đồng ngày 31/10/2016 theo biên lai số 11712 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, Anh Hoàng E còn phải nộp tiếp 24.901.000đ.

- Ngô Hoàng H phải chịu 3.900.000 đồng án phí chia tài sản. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hoàng H đã nộp 6.364.000 đồng ngày 31/10/2016 và ngày 21/7/2017 theo biên lai số 10978 và 11713, tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, anh Hoàng H còn được nhận lại 2.464.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ngô Yến M phải chịu 3.894.000 đồng án phí chia tài sản. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Yến M đã nộp 6.364.000 đồng ngày 21/7/2017 theo biên lai số 10979 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, Yến M còn được nhận lại 2.470.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ngân hàng N phải chịu 200.000đồng án phí DSST. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng N đã nộp là 759.000 đồng theo biên lai số 038262 ngày 09/11/2015 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, Ngân hàng được nhận lại 579.000đ tiền tạm ứng án phí.

- Chị Ngô Thị Yến X được nhận lại 688.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 11844 ngày 08/12/2016 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về chi phí thẩm định và định giá là 4.479.000 đồng;

Anh Hoàng E phải chịu chi phí thẩm định, định giá là 2.240.000đ; Chị P phải chịu 747.000đ; Hoàng H và Yến M mỗi người phải chịu 746.000đồng. Chị P đã nộp 4.479.000 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá và đã chi xong; Do đó anh Hoàng E có trách nhiệm trả lại cho chị P số tiền 2.240.000đ; Hoàng H và Yến M mỗi người phải trả lại cho chị P 746.000 đồng.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh